

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HS-ST
Ngày: 20-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN**

- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cao

Ông Lê Văn Thuận

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B **tỉnh** L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2022/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Huyền T, tên gọi khác: không, sinh năm 1990 tại L. A. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: 12/2/3, đường V, Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh L; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1964; Bản thân có chồng tên Tống Thiên T, sinh năm 1988; Có 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại:

Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1986.

Huỳnh Thanh H, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh L (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Tống Thiên T, sinh năm 1988

ĐKTT: Số 12/2/3, đường V, Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh L (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 50 phút ngày 16/4/2022, Nguyễn Thị Huyền T điều khiển xe mô tô biển số 62N1-082.43 đi từ nhà đến Công ty Ch (Công ty), địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn B, huyện B để làm việc. Khi T gửi xe tại khu vực C nhà xe của Công ty thì nhìn thấy bên trái xe của T có xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider biển số 62L1-734.80 thuộc sở hữu của vợ chồng anh Huỳnh Thanh H và chị Phạm Thị Thuý H, chị H sử dụng đi làm, trên ba ga xe có 01 áo khoác màu nâu cuộn lại để trong nón bảo hiểm màu xanh nên T nảy sinh ý định trộm cắp áo khoác để sử dụng. T quan sát xung quanh thấy không có ai nên đi đến gần xe của chị H, dùng tay lấy áo khoác từ trong nón bảo hiểm cầm trên tay đi vào văn phòng làm việc. Khi kiểm tra bên trong túi áo khoác thì T phát hiện có 01 thẻ giữ xe và chìa khoá xe, nên nảy sinh ý định trộm cắp xe 62L1-734.80 để bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 11 giờ 55 phút cùng ngày, T lén lút đi đến vị trí xe 62L1-734.80, quan sát thấy không có ai nên lấy thẻ giữ xe và chìa khoá xe 62L1-734.80 trong áo khoác ra, áo khoác bỏ vào túi nilong treo lên xe 62L1-734.80, dẫn xe 62L1-734.80 ra, tra chìa khoá vào ổ khoá, lên xe nổ máy xe chạy ra đưa thẻ xe cho bảo vệ, rồi chạy đến bãi giữ xe của Trung tâm y tế huyện B gửi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T gọi điện cho chồng là Tống Thiên T nói dối là T mới mua xe mô tô 62L1-734.80 của bạn với giá 3.000.000đ, đang gửi ở bãi giữ xe của Trung tâm y tế huyện B, nhờ T đến Công ty gặp T lấy chìa khoá và thẻ xe, đi lấy xe đem về nhà cất tìm người bán lại. Đến ngày 18/4/2022, chị H đến Công an thị trấn B trình báo sự việc mất trộm xe. Công an thị trấn B mời T về làm việc, T khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp xe mô tô 62L1-734.80. Công an thị trấn B lập hồ sơ và chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐG ngày 07/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tiến hành định giá và kết luận: 01 xe mô tô biển số 62L1-734.80, nhãn hiệu Suzuki Raider trị giá 44.450.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐG ngày 14/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tiến hành định giá và kết luận: 01 nón bảo hiểm và 01 áo khoác nữ trị giá 130.000đ.

Tại cáo trạng số 04/CT-VKSBL ngày 23/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Thị Huyền T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Huyền T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L truy tố bị cáo Nguyễn Thị Huyền T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo xét thấy đủ yếu tố cấu T tội phạm như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Thị Huyền T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Thị Huyền T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại áo khoác bị mất số tiền 150.000 đồng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi dưỡng 02 con nhỏ, trong đó có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo tốt, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, bị cáo có chỗ ở ổn định, nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, giao chính quyền địa phương cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở T người tốt có ích cho xã hội, do đó đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Huyền T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị Huyền T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Do hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại Phạm Thị Thuý H và anh Huỳnh Thanh H đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 01 xe mô tô biển số 62L1-734.80 nên không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không đề nghị xem xét. 01 áo khoác của chị H do bị cáo lấy và bị mất, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị H số tiền 150.000 đồng xong, chị H không yêu cầu gì thêm nên ghi nhận không xét đến.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 62L1-734.80, nhãn hiệu Suzuki Raider do Huỳnh Thanh H đứng tên giấy chứng nhận, 01 nón bảo hiểm loại đội nửa đầu màu xanh- trắng thuộc sở hữu của vợ chồng Phạm Thị Thuý H. Hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp nên không đề cập xem xét.

- Đối với áo khoác màu nâu, T đã vứt bỏ ở thùng rác công cộng trên đường về nhà. Cơ quan CSĐT Công an huyện B tiến hành truy tìm nhưng không tìm được nên không đề cập xem xét.

Đối với Tống Thiên T là chồng của Nguyễn Thị Huyền T, sau khi Thấy trộm xe 62L1-734.80 đem gửi tại bãi giữ xe của Trung tâm y tế huyện B và nói dối với T là mua lại xe của bạn với giá 3.000.000đ nhờ T chạy xe đem về nhà cất. T không biết xe trên là do Tphạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B không xử lý hình sự là phù hợp.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử khoan hồng cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định xuất phát từ việc không tiền tiêu xài nên khoảng 07giờ 50 ngày 16/4/2022, do cần tiền tiêu xài Nguyễn Thị Huyền T lén lút vào khu vực C nhà

xe Công ty ChingLuh, địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn B, huyện Blầy trộm xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, biển số 62L1-734.80 trị giá 44.450.000đ thuộc sở hữu của vợ chồng anh Huỳnh Thanh H và chị Phạm Thị Thuý H, 01 áo khoác và 01 nón bảo hiểm trị giá 130.000đ của chị H để trên xe. Tổng giá trị tài sản mà T chiếm đoạt là 44.580.000đ. Do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Huyền T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Xét tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Thị Huyền T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Thị Huyền T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại áo khoác bị mất số tiền 150.000 đồng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi dưỡng 02 con nhỏ, trong đó có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo tốt, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có chỗ ở ổn định, nơi cư trú rõ ràng, xét không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, giao chính quyền địa phương cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở T người tốt có ích cho xã hội, do đó áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại Phạm Thị Thuý H và anh Huỳnh Thanh Hùng đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 01 xe mô tô biển số 62L1-734.80 nên không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên ghi nhận không xét đến. 01 áo khoác của chị H do bị cáo lấy và bị mất, bị cáo đã tự nguyện bồi

thường cho chị H số tiền 150.000 đồng xong, chị H không yêu cầu gì thêm nên ghi nhận không xét đến.

[5] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 62L1-734.80, nhãn hiệu Suzuki Raider do Huỳnh Thanh H đứng tên giấy chứng nhận, 01 nón bảo hiểm loại đội nửa đầu màu xanh- trắng thuộc sở hữu của vợ chồng Phạm Thị Thuý H. Hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp nên không xem xét.

- Đối với áo khoác màu nâu, T đã vứt bỏ ở thùng rác công cộng trên đường về nhà. Cơ quan CSĐT Công an huyện B tiến hành truy tìm nhưng không tìm được nên không xem xét.

[6] Đối với Tống Thiên T là chồng của Nguyễn Thị Huyền T, sau khi T lấy trộm xe 62L1-734.80 đem gửi tại bãi giữ xe của Trung tâm y tế huyện B và nói dối với T là mua lại xe của bạn với giá 3.000.000đ nhờ T chạy xe đem về nhà cất. T không biết xe trên là do T phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B không xử lý hình sự là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Thị Huyền T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị Huyền T 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (Bốn) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/02/2023)

Giao bị cáo Nguyễn Thị Huyền T về cho Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Lức, huyện B, tỉnh L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Lức, huyện B, tỉnh L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Thị Huyền T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải

chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Huyền T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cao – Nguyễn Anh Thư

Lê Hùng Cường

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

Lê Hùng Cường